|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

|  |
| --- |
| DỰ THẢO |

## NGHỊ ĐỊNH

## Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của

## Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 06 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội.*

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về trợ cấp hưu trí xã hội quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15.

**Điều 2. Đối tượng và điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội**

Đối tượng và điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định tại Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội, cụ thể như sau:

1. Công dân Việt Nam được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Từ đủ 75 tuổi trở lên;

b) Không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trừ trường hợp khác theo quy định của Chính phủ;

c) Có văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

2. Công dân Việt Nam từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và đáp ứng đủ điều kiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này thì được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

**Điều 3. Mức trợ cấp hưu trí xã hội**

1. Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng mức 500.000 đồng/tháng.

Trường hợp đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này  đồng thời thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng thì được hưởng chế độ trợ cấp cao hơn.

2. Đối tượng đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hàng tháng khi chết được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí mai táng với mức là 10.000.000 đồng.

**Điều 4. Trình tự, thủ tục và thời điểm hưởng trợ cấp hưu trí xã hội**

1. Trình tự, thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 8 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP), trong đó đối với đối tượng đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, cụm từ “trợ cấp xã hội hằng tháng” được thay thế bằng cụm từ “trợ cấp hưu trí xã hội hằng tháng”.

Đối tượng khi đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội có văn bản theo Mẫu văn bản đề nghị hưởng trợ cấp hưu trí xã hội ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thời điểm hưởng trợ cấp hưu trí xã hội

a) Thời điểm hưởng trợ cấp hưu trí xã hội đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này như sau:

- Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi trước ngày 1/7/2025 thì hưởng từ ngày 01/07/2025;

- Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi sau ngày 01/07/2025 thì hưởng kể từ thời điểm người đó đủ 75 tuổi*.*

b) Thời điểm hưởng trợ cấp hưu trí xã hội đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này như sau:

- Người cao tuổi đủ 70 tuổi trước ngày 1/7/2025 thì hưởng từ ngày 01/07/2025;

- Người cao tuổi đủ 70 tuổi sau ngày 01/07/2025 thì hưởng kể từ thời điểm người đó đủ 70 tuổi*.*

3. Trình tự thực hiện hỗ trợ chi phí mai táng

Đối với trường hợp đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng qua dịch vụ công liên thông thì thực hiện theo quy định tại các Điều 11, 12, 13, 14 và 15 Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất. Đối với trường hợp khác thực hiện theo quy định tại các khoản 3 và 4 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

**Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Các điểm b và c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

3. Đối với trường hợp đối tượng quy định tại các điểm b và c khoản 5 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng được chuyển sang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện căn cứ danh sách đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng quyết định chuyển sang chế độ trợ cấp hưu trí xã hội

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KGVX (2b). | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG**    **Phạm Minh Chính** |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**   
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG TRỢ CẤP HƯU TRÍ XÃ HỘI**

1. Họ và tên *(Viết chữ in hoa). ...............................................................................*

2. Ngày/tháng/năm sinh: .../... / .... Giới tính: …………….. Dân tộc: ...................

3. Giấy Căn cước hoặc Căn cước công dân số…………… Cấp ngày .../ ..............

Nơi cấp: .................................................................................................................

4. Nơi cư trú: ...........................................................................................................

5. Địa chỉ liên lạc:…………………………………………………………………

6. Số điện thoại:…………………………………………………………………

Email:……………………………………………………………………………..

7. Tài khoản ngân hàng:………………………….tại Ngân hàng:……………….

8. Chế độ, chính sách đang hưởng (nếu có):

Lương hưu/Trợ cấp BHXH hàng tháng: ...........đồng. Hưởng từ tháng …………/

Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: ………. đồng. Hưởng từ tháng …………../ ..

Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng: ……….. đồng. Hưởng từ tháng……./

Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác: ………….. đồng. Hưởng từ tháng ……/

9. Tình trạng hộ

Hộ nghèo □ Hộ cận nghèo □ Không thuộc hộ nghèo, cận nghèo □

10. Tình trạng khuyết tật:

Không khuyết tật □

Có khuyết tật □

- Giấy xác nhận khuyết tật số …………… Ngày cấp: ….............. Nơi cấp: ........

- Dạng tật: ..............................................................................................................

- Mức độ khuyết tật: ..............................................................................................

11. Nơi nhận trợ cấp hưu trí xã hội:………………………………………………

12. Thông tin người giám hộ, người thân (Bắt buộc)

- Họ và tên:………………………………………………………………………..

- Ngày tháng năm sinh:……………………………………………………………

- Giấy Căn cước hoặc Căn cước công dân số…………… Cấp ngày .../ ..............

Nơi cấp: ..................................................................................................................

- Địa chỉ liên hệ:…………………………………………………………………..

- Số điện thoại:…………………………………………………………………….

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Ngày .... tháng .... năm .....*  **NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn đã tiếp nhận văn bản và đã đối chiếu, xác thực thông tin xác nhận thông tin nêu trên của ông (bà) ........................................ là đúng.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Ngày .... tháng .... năm ...* **CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu)* |